

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/HS-PT

Ngày: 22 – 12 – 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Phan Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Đường M và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Đường M**, sinh ngày 26/3/1977 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã S, tỉnh Cà Mau); Căn cước công dân: 096077008611; nghề nghiệp: **Làm ruộng**; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị L; Có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2024 cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 10/10/1977 tại Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp). Chỗ ở hiện nay: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp C, xã S, tỉnh Cà Mau); Căn cước công dân:

0820770014804; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Đặng Thị C; Có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2025 cho đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Trương Thanh L1**, sinh ngày 18/01/1986 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau); Căn cước công dân: 095086009880; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn K và bà Đỗ Thị H2; Có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2025 cho đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 28/9/1988 tại Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang). Nơi cư trú: Tổ C, Khu phố F, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ C, khu phố F, phường V, tỉnh An Giang). Căn cước công dân: 089088015271; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Lưu Thị H3; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 28/4/2025 chuyển tạm giam từ ngày 01/5/2025 cho đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1 và Nguyễn Văn B: Bà Lê Huỳnh N - Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.*

Địa chỉ: 8, đường D, phường A, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn Ú do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 13 phút ngày 07/8/2024, lực lượng Kiểm ngư phát hiện thu giữ 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá CM-91955-TS và KG-90819-TS tại nhà bị cáo Đường M, quá trình điều tra kết quả như sau: Ông Nguyễn Văn Ú là chủ sở hữu hai tàu cá CM-91955-TS và KG-90819-TS. Ông Ú giao tàu cá CM-91955-TS cho

Trương Thanh L1 quản lý. Ông Ú cho Nguyễn Thanh T thuê tàu cá KG09819-TS, Tâm giao cho Nguyễn Văn B làm thuyền trưởng.

Đối với tàu cá CM-91955-TS: Ngày 29/3/2024, ông Ú điều khiển tàu cá CM-91955-TS đến Văn phòng đại diện Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tàu cá tại Cảng cá Sông Đ (viết tắt Văn phòng I), để làm thủ tục cho tàu xuất cảng ra biển đánh bắt thủy sản, Văn phòng I kiểm tra, xác nhận tàu CM- 91955-TS đủ điều kiện được ra biển, trên tàu có gắn thiết bị giám sát hành trình số Seri BTK003419. Trưa ngày 03/4/2024, Ú điều khiển tàu cá CM-91955-TS đến Trạm kiểm soát Biên phòng S, làm thủ tục xuất bến cho 3 người: Nguyễn Văn Ú (Thuyền trưởng), Lâm Văn D (Máy trưởng), Trương Thanh L1 (Thuyền viên - máy trưởng, được Út giao quản lý tàu cá), Trạm Biên phòng S kiểm tra, xác nhận cho tàu cá CM-91955-TS của Ú xuất bến ra biển đánh bắt thủy sản.

Liệt điều khiển tàu CM-91955-TS ra khỏi cửa biển Sông Đốc thì máy tàu cá bị hư, L1 đưa tàu cá đến cơ sở sửa chữa để sửa máy, sau sửa máy xong (khoảng 03 ngày), lúc 16 giờ thì L1 dùng búa tháo thiết bị giám sát hành trình của tàu cá CM-91955-TS (số S BTK003419), sau khi tháo thiết bị giám sát hành trình thì L1 đưa sang tàu cá khác không hoạt động đang neo đậu nhưng không rõ tàu cá nào, vài hôm sau Nguyễn Văn M là thuyền trưởng chạy tàu cá thuê cho ông Ú, xuống tàu cá cùng L1 và một số ngư phủ khác đi đánh bắt thủy sản tại vùng biển chông lán giữa Việt Nam và nước ngoài. Đến ngày 26/01/2025 L1 đưa tàu cá vào đất liền.

Đối với tàu cá KG-09819-TS: Ngày 15/5/2024, Nguyễn Văn Ú cho Nguyễn Thanh T thuê tàu cá KG-90819-TS ngành nghề đánh bắt là lưới cào, hợp đồng thuê mỗi tháng là 20.000.000 đồng. Ngày 31/5/2024, Ú điều khiển tàu cá KG-90819-TS đến Văn phòng I làm thủ tục ra biển đánh bắt thủy sản (do T không đủ điều kiện đi đăng ký). Văn phòng I kiểm tra, xác nhận tàu KG-90819-TS đủ điều kiện được ra biển đánh bắt thủy sản. Lúc 15 giờ 26 phút ngày 01/6/2024, Nguyễn Thanh T điều khiển tàu cá KG-90819-TS đến Trạm kiểm soát Biên phòng S, làm thủ tục ra biển cho 04 người: Nguyễn Văn C1 (Thuyền trưởng), Huỳnh Thanh L2 (Máy trưởng), Huỳnh Chí C2 (Thuyền viên), Phan Văn Đ2 (Thuyền viên). Trạm Biên phòng S kiểm tra, xác nhận cho tàu cá KG-90819-TS xuất bến ra biển đánh bắt thủy sản cùng ngày. Do C1 bị bệnh nên T liên hệ với Nguyễn Văn B thay thế C1 làm thuyền trưởng.

Sau khi tàu cá ra cửa biển khoảng 01 hải lý thì đậu lại, chiều tối cùng ngày T trực tiếp tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu đi dò dọc vào bờ, sau đó T điện

thoại cho Đường M nhờ Trị cất giấu, T2 đồng ý nên T đưa thiết bị giám sát hành trình lên nóc nhà T2, T2 đưa dụng cụ cho T buộc lại tránh rơi xuống.

Ngày 06/6/2024, T đến nhà T2 lấy lại thiết bị giám sát hành trình để gắn lại tàu cá ra trình Đồn Biên phòng, T gửi thiết bị giám sát hành trình cho tàu tải hàng không rõ chủ để đưa ra cho Nguyễn Văn B làm thuyền trưởng, nhưng ghe tải hàng ra biển không tìm được tàu cá KG-90819-TS của Bội nên sáng ngày 07/6/2024 tàu tải hàng mang vào trả lại cho T (cùng ngày 07/6/2024). T cất giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá này gần khu vực nhà T ở. Khoảng tháng 7/2024, T tiếp tục đem thiết bị giám sát hành trình đến nhà T2 nhờ Trị cất giữ, T trực tiếp leo lên nóc nhà gắn lại, T2 hỗ trợ dụng cụ cho T.

Đối với thiết bị giám sát hành trình tàu cá CM-91955-TS, do Trương Thanh L1 tháo gỡ để trên tàu cá khác gần vựa Chí T1 (nhà trồng) từ tháng 4/2024 đến khoảng tháng 7/2024. Do T thường đến khu vực tiệm sửa máy của bà K1 sửa máy thuê, T thấy có 01 thiết bị giám sát giám sát hành trình, T nghĩ là của Nguyễn Văn Ú, lúc này tàu cá CM-91955-TS không còn neo đậu tại đây, T điện thoại cho T2 nhờ T2 đến lấy thiết bị giám sát hành trình tàu cá, cất giữ dùm. Ngày 26/7/2024, T2 đến lấy và cất giữ.

Đến sáng ngày 26/7/2024, T2 mang thiết bị giám sát hành trình tàu cá CM – 91955-TS đến nhà bà Phạm Thị L (mẹ ruột của T2) gắn thiết bị giám sát hành trình trên nóc nhà của bà L đồng thời trong thời gian này T nói với T2 để tránh lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thiết bị giám sát hành trình để cùng một chỗ, T2 lấy thiết bị của T đem ra ngoài vuông khoảng 200 mét cất giấu, sau đó tiếp tục mang tiếp vào nhà của T2, đến ngày 01/8/2024, T điện thoại cho T2 kêu đổi vị trí 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá, lý do thiết bị giám sát hành trình tàu cá cố định ở một vị trí mà tàu cá đang hoạt động trên biển thì sẽ bị phát hiện.

Đối với bị cáo B được T liên hệ làm thuyền trưởng tàu KG-90819-TS thế Cảnh bị bệnh, ngày 03/6/2024 Bội đến nhận tàu cá, khoảng 05 – 06 ngày sau thì phát hiện tàu cá không có thiết bị giám sát hành trình, B liên lạc với T, T nói với B “anh tháo rồi, cứ đánh cá đại đi, để máy trên tàu không làm ăn được gì đâu”, B xác định tàu cá đi khai thác thủy sản không có thiết bị giám sát hành trình làm cho cơ quan chức năng không giám sát và quản lý được hoạt động của tàu cá trong việc khai thác thủy sản là vi phạm pháp luật, vì lợi nhuận nên trong thời gian tháng 6/2024, B đã đồng ý theo yêu cầu của T, đưa tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, đánh bắt vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và nước ngoài cho đến tháng 01/2025. Ngày 11/01/2025,

tàu cá KG-90819-TS bị chìm tại vùng biển Việt Nam, sau đó được T, Ú đưa tàu cá ra ứng cứu, tàu cá chìm không trục vớt được mất hết tài sản và tiền bán thủy sản, B xác định mất số tiền bán thủy sản khoảng 500 đến 600 triệu đồng.

Đối với bị cáo T2 xác định khi nhận cất 02 thiết bị giám sát hành trình, T2 biết rõ là vi phạm pháp luật, việc cất giấu thiết bị giám sát hành trình để lực lượng chức năng không phát hiện tàu cá đánh bắt thủy sản vùng chông lẩn ở vùng biển nước ngoài nhưng T có hứa hẹn cho T2 cá, tôm, mực... nên thực hiện hành vi cất giấu theo yêu cầu của T, hỗ trợ dụng cụ để T gắn thiết bị lên nóc nhà của T2 và bà L, thực hiện theo yêu cầu của T như đem thiết bị ra ngoài vuông, sau đó đem vào gắn ở nhà, đổi vị trí 02 thiết bị nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng.

Thời điểm ngày 02/11/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án để điều tra thì 02 tàu cá KG-90819-TS và CM-91955-TS vẫn còn hoạt động đánh bắt thủy sản trên biển chưa vào bờ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 12/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo **Đường M, Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: Đ), **Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B** phạm tội “*Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử*”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đường Minh T2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2024.

3. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Đ) 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2025.

4. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh L1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2025.

5. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2025.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 26 tháng 9 năm 2025, các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1 và Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1 và Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1 và Nguyễn Văn B, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Người bào chữa cho các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1 và Nguyễn Văn B phát biểu ý kiến: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như cấp sơ thẩm đã xét xử nên không tranh luận. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các bị cáo phạm tội do trình độ lạc hậu được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo để cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Để tránh sự giám sát của cơ quan chức năng trong việc quản lý tàu cá, nhằm mục đích đưa tàu cá đi khai thác thủy sản trái phép để thu lợi nhuận nên các bị cáo đã thực hiện hành vi tháo gỡ, cất giữ các thiết bị giám sát hành trình. Trong đó:

Bị cáo L1 trực tiếp tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá CM-91955-TS (số Seri BTK003419) từ ngày 06/4/2024 đến ngày 07/8/2024 bị phát hiện, thời gian tháo gỡ trên 168 giờ, đến ngày 26/01/2025 bị cáo L1 mới đưa tàu cá vào đất liền.

Bị cáo T trực tiếp tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá KG-90819-TS (số Seri BTK006090) từ ngày 01/6/2024 đến ngày 07/8/2025 bị phát hiện đồng thời liên hệ với bị cáo T2 gửi 01 thiết bị hành trình tàu cá CM-91955-TS (số Seri BTK003419), thời gian trên 168 giờ.

Bị cáo B bản thân là thuyền trưởng, biết rõ bị cáo T là người trực tiếp tháo gỡ thiết bị, hiểu việc điều khiển tàu cá không trang bị thiết bị giám sát hành trình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không trình báo với cơ quan chức năng hoặc đưa tàu quay trở lại bến mà thông nhất với ý chí của bị cáo T điều khiển tàu cá khai thác thủy sản trái phép nên bị cáo B phải chịu trách nhiệm cùng với bị cáo T đối với hành vi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá KG-90819-TS.

Bị cáo T2 02 lần nhận cất giữ thiết bị giám sát hành trình số Seri BTK003419 từ ngày 01/6/2024 và số Seri BTK006090 từ ngày 26/7/2024 theo yêu cầu bị cáo T, đến ngày 07/8/2024 bị phát hiện, thời gian cất giữ trên 168 giờ.

Tại Văn bản số 927/CCTS-KTTS ngày 24/10/2024 của Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh K xác định “việc tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình của tàu cá KG-90819 TS ra khỏi tàu cá KG-90819 TS gây ảnh hưởng đến việc theo dõi, quản lý hải trình hoạt động thực tế của tàu KG-90819 TS, Cơ quan quản lý nhà nước không nắm được hải trình hoạt động thực tế của tàu KG-90819 TS; việc tháo gỡ Thiết bị giám sát hành trình tàu cá KG-90819 TS là hành vi vi phạm

pháp luật quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Thủy sản.

Tại Văn bản số 4790/SNN-KN ngày 11/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh C xác định việc có thiết bị giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên theo quy định là một trong những điều kiện để được cấp Giấy phép khai thác thủy sản; Khai thác thủy sản là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản. *Vì vậy, việc cất giấu thiết bị giám sát hành trình sẽ gây mất khả năng kiểm soát, quản lý, giám sát điều hành của Cơ quan quản lý nhà nước về khai thác thủy sản đối với tàu cá kể từ khi thực hiện hành vi tháo thiết bị giám sát hành trình ra khỏi tàu cá.*

Tại Công văn số 315/KN-NVKN ngày 20/9/2024 của Chi cục Kiểm ngư tỉnh C xác định: *việc tháo gỡ, gửi, tàng trữ hoặc lưu giữ thiết bị giám sát hành trình dẫn đến cơ quan nhà nước không thể theo dõi được hoạt động thực tế của tàu cá CM - 91955 TS làm ảnh hưởng đến nỗ lực chống khai thác thủy sản bất hợp pháp ...không hiển thị vị trí, không xác định được vị trí thực tế của tàu cá CM-91955-TS theo thời gian thực đã gây cản trở, rối loạn khả năng quản lý, giám sát, điều hành, theo dõi, xử lý dữ liệu Hệ thống giám sát hành trình tàu cá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.*

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B phạm tội “*Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây rối loạn, gián đoạn hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên vùng biển, xâm phạm trực tiếp sự quản lý, giám sát, điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực khai thác thủy sản. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Trên cơ sở đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt

các bị cáo T2, T, L1 mỗi bị cáo mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo B mức án 07 (bảy) năm tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo phạm tội do lạc hậu được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều là người đi biển lâu năm, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động khai thác thủy sản, am hiểu khu vực vùng biển nào được phép khai thác, khu vực nào bị cấm khai thác. Đồng thời, các bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ quy định của pháp luật về việc không được tự ý tắt thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi đang hoạt động khai thác thủy sản trên biển. Mặc dù vậy, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi vi phạm. Do đó, có đủ cơ sở xác định các bị cáo không phải do thiếu hiểu biết pháp luật hay do lạc hậu mà là cố ý không tuân thủ pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cho các bị cáo.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Đ), Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

2. Tuyên bố các bị cáo **Đường M, Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: Đ), **Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B** phạm tội “*Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử*”.

3. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đường Minh T2 **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2024.

4. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2025.

5. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh L1 **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2025.

6. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2025.

7. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đường M, Nguyễn Thanh T, Trương Thanh L1, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương